

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2025/DS-PT  
Ngày: 21 – 3 - 2025  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Võ Trung Hiếu  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 720/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Anh D, sinh năm 1959. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024), (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T), sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ E, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Vĩnh P, sinh năm 1994. (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024), (có mặt).

Địa chỉ: 4, Nguyễn Thị Đ1, T, TP T, TP Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị Kim Q.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm,*

*\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Đ là ông Trần Anh D trình bày:*

Bà Đ là hội viên, có tham gia 07 dây hội do bà Võ Thị Kim Q làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội 1.000.000đ khai ngày 10/01/2021 al, có 26 người tham gia bà Đ tham gia 01 phần, đóng được 25 kỳ và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 24.500.000đ

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 10/01/2021 al, hội có 26 người tham gia bà Đ tham gia 01 phần đóng được tới kỳ 25 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 24.500.000đ

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 10/01/2021 al, hội có 26 người tham gia bà Đ tham gia 01 phần đóng được tới kỳ 25 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 24.500.000đ.

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 25/7/2021 al, hội có 23 người tham gia bà Đ tham gia 02 phần đóng được tới kỳ 21 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 41.000.000đ.

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 25/7/2021 al, hội có 23 người tham gia bà Đ tham gia 01 phần đóng được tới kỳ 22 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 21.500.000đ.

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 25/7/2021 al, hội có 23 người tham gia bà Đ tham gia 02 phần đóng được tới kỳ 21 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 41.000.000đ.

- Dây hội 1.000.000đ, khai ngày 25/7/2021 al, hội có 23 người tham gia bà Đ tham gia 01 phần đóng được tới kỳ 22 và hốt chót, nhưng bà Q không giao cho bà Đ số tiền 21.500.000đ.

Tổng cộng bà Q còn nợ lại bà Đ 07 dây hội số tiền 198.500.000đ, yêu cầu bà Q phải trả ngay cho bà Đ số tiền này khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Kim Q là ông Lê Vĩnh P trình bày ý kiến tại phiên tòa:*

Bà Đ có tham gia của bà Q 03 dây hội 1.000.000đ với 09 phần hội như bà Đ nêu là đúng, nhưng các kỳ đóng hội thì không đúng, cụ thể:

- Dây hội 10/01/2021 bà Đ tham gia 03 phần đóng đủ 25 kỳ mỗi phần. Sau đó mãi hội bà Q đã giao đủ cho bà Đ 03 phần hội, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Q trả 03 phần hội của dây hội này là không có cơ sở.

- Dây hội khai ngày 25/7/2021 bà Đ tham gia 03 phần đóng được 22 kỳ, bà Q đồng ý trả lại cho bà Đ 22 kỳ hội vốn là 42.900.000đ.

-Dây hội khui ngày 17/01/2022 bà Đ tham gia 03 phần đóng được 14 kỳ, dây hội bà Q đồng ý trả lại bà Đ 14 kỳ hội vốn là 27.300.000đ.

Tổng cộng 03 dây 09 phần hội bà Q đồng ý trả bà Đ tiền hội vốn của 02 dây 06 phần hội là 70.200.000đ, bà Đ yêu cầu bà Q trả số tiền nợ hội 198.500.000đ là không có cơ sở.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với bị đơn dây hội khui ngày 25/7/2021 bà Đ tham gia 03 phần đóng tới kỳ 22 (đơn khởi kiện trình bày đóng tới kỳ 25), tổng cộng 03 dây 09 phần hội bà Đ yêu cầu bà Q phải trả số tiền 180.000.000đ (đã trừ tiền hoa hồng 500.000đ/mỗi phần hội). Đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và xác nhận nguyên đơn có tham gia 03 dây 09 phần hội nhưng đã hót 03 phần hội dây hội khui ngày 10/01/2021, chỉ đồng ý trả tiền hội vốn của 02 dây hội còn lại là 70.200.000đ.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, hiêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh D.

Buộc bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T) phải trả cho bà Lê Thị Đ tổng số tiền nợ hội của 03 dây 09 phần hội là 180.000.000đ. Thực hiện việc trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, ông Lê Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Kim Q, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm xem xét đến yếu tố lỗi của nguyên đơn bà Lê Thị Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán các kỳ hội còn thiếu dẫn đến bẻ dây hội, cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xác định người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Võ Thị Kim Q nộp đơn kháng cáo và thực hiện đúng quy định theo Điều 272, 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim Q; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đ và bà Q trình bày thống nhất: bà Q bà là chủ nợ và bà Đ là người vay, bà Đ có tham gia 03 dây nợ (mỗi dây 1.000.000 đồng) với 09 phần nợ, cụ thể:

- Dây nợ ngày 10/01/2021 (03 dây), mỗi dây 1.000.000 đồng, các bên thừa nhận bà Đ tham gia 03 dây, mỗi dây 01 phần và mỗi dây đóng đầy đủ đến kỳ 25, bà Đ hết nợ kỳ cuối (kỳ 26) 03 phần nợ số tiền 75.000.000 đồng, sau khi trừ 1.500.000đồng tiền hoa hồng, bà Q phải giao cho bà Đ 73.500.000 đồng. Bà Q cho rằng đã giao đủ 03 phần nợ cho bà Đ, bà Đ không thừa nhận; bà Q không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đã giao đủ tiền cho bà Đ như bà trình bày. Do đó, xác định bà Q còn nợ bà Đ 03 phần nợ số tiền 73.500.000đồng (đã trừ 1.500.000đồng tiền hoa hồng).

- Dây nợ ngày 25/7/2021, 1000.000đồng, các bên thừa nhận bà Đ tham gia 03 phần và đóng nợ đủ đến kỳ 22, bà Đ hết nợ kỳ cuối (kỳ 23), bà Q còn nợ bà Đ 03 phần nợ này với số tiền 64.500.000đồng (đã trừ 1.500.000đồng tiền hoa hồng).

- Dây nợ ngày 17/01/2022, 1000.000đồng, các bên thừa nhận bà Đ tham gia 03 phần. Nhưng bà Đ cho rằng đã đóng nợ đủ 25 kỳ, hết nợ kỳ cuối (kỳ 26) nhưng bà Q chưa giao tiền nợ cho bà Đ; còn Q cho rằng bà Đ chỉ đóng được 14 kỳ nợ. Bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đóng nợ cho bà Q đến kỳ 25, bà Q chỉ thừa nhận bà Đ đóng được 14 kỳ, nên xác định bà Q còn nợ bà Đ số tiền 42.000.000 đồng.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng 09 phần nợ bà Q còn nợ bà Đ là 180.000.000 đồng và xử buộc bà Q trả cho bà Đ số tiền nợ nợ 180.000.000 đồng. Không đồng ý với bản án sơ thẩm bà Q kháng cáo.

Xét thấy, bà Q là chủ hội, bà Đ là hội viên, các bên thừa nhận bà Q tổ chức hội có lỗi. Bà Q chịu trách nhiệm gồm hội và giao hội cho hội viên hốt hội, được nhận tiền hoa hồng từ hội viên hốt hội. Bà Đ tham gia hội nhưng chưa hốt hội, nên khi hốt hội sẽ được hưởng lãi từ các hội viên đã hốt hội theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Thực tế số tiền lãi bà Đ được hưởng là do các hội viên đã hốt phải đóng hội chết, không phải do bà Q chi trả và bà Q ngoài việc gồm hội và được hưởng hoa hồng còn phải có nghĩa vụ choàng hội khi có hội viên đã hốt nhưng chưa đóng hội theo khoản 4 Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Bà Q có quyền khởi kiện các hội viên hốt hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội đòi lại số tiền mà bà Q đã đứng ra choàng tiền hội cho các hội viên này.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng Tòa án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà Đ, buộc bà Q trả số tiền nợ hội 180.000.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Bà Q kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Q không được chấp nhận, nên bà Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh D. Buộc bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T)

phải trả cho bà Lê Thị Đ tổng số tiền nợ hui của 03 dây 09 phần hui là 180.000.000đ.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Q chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

\* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Kim Q phải chịu số tiền 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại bà Lê Thị Đ số tiền 4.962.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002979 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\* Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (do ông Lê Vĩnh P đại diện theo ủy quyền của bà Q đã nộp khi kháng cáo) theo biên lai số 0002538 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như bà Q đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**